

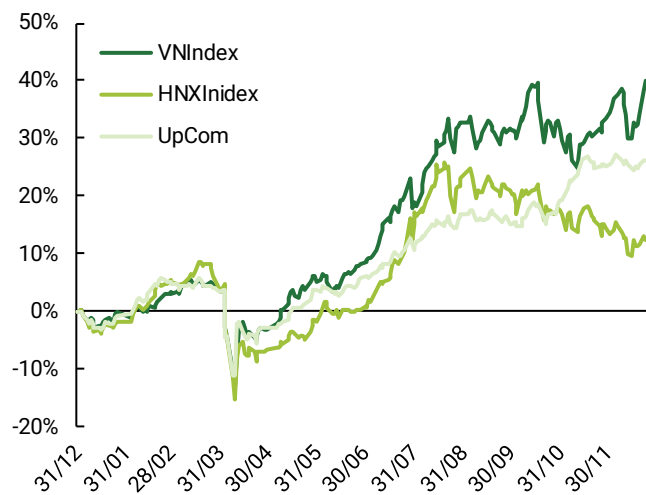
VN-Index **1772.15 (1.21%)**
924 Tr. cổ phiếu 26398.1 Tỷ VND (-14.24%)

HNX-Index **255.47 (-0.68%)**
67 Tr. cổ phiếu 1457.5 Tỷ VND (-0.94%)

UPCOM-Index **119.95 (0.09%)**
86 Tr. cổ phiếu 1949.5 Tỷ VND (205.63%)

VN30F1M **2015.00 (0.90%)**
246,327 HD OI: 34,766 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

▪ **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1772.2, tăng +21.1 điểm (+1.21%). Thanh khoản duy trì trên mức bình quân 20 phiên với độ rộng nghiêng về bên bán. VN30 tăng trong khi HNXIndex.

▪ **Điểm nhấn trong phiên:** Đà tăng được dẫn dắt phần lớn bởi nhóm Vingroup, cùng sự luân chuyển ở một số cổ phiếu vốn hóa lớn với câu chuyện riêng tiếp thêm lực đẩy.

Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+7.0%), VIC (+7.0%) | Bán lẻ: MWG (+2.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: HAH (+1.2%), GEE (+1.1%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: LPB (-5.0%), MSB (-2.3%), SSB (-1.4%) | Thực phẩm và đồ uống: SBT (-1.8%), ANV (-1.8%), VHC (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: AGR (-2.7%), VCI (-2.6%), VDS (-2.5%) | Tài nguyên Cơ bản: KSB (-1.9%), HSG (-1.6%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPL, STB, MWG - Chiều giảm | LPB, VCB, TCB, BID, VPB

Khối ngoại Mua ròng hơn 700 tỷ, tập trung nhiều ở MWG, MBB, VIX, trong khi bán ròng HDB, LPB, FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

▪ **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Sao băng (Shooting Star) ngay tại khu vực cản 1760 - 1770. Đây cũng là vùng đỉnh cũ được thiết lập hồi đầu tháng 12 và trong tháng 10. Đà tăng được dẫn dắt phần lớn bởi nhóm Vingroup nhưng thiếu sự lan tỏa, số mã giảm thậm chí còn áp đảo hơn về cuối phiên. Bức tranh đang trở lại phân hóa cao. Với trạng thái này, đà tăng có thể kém bền vững và tiềm ẩn rủi ro hạ nhiệt để củng cố lại đà. Khu vực hỗ trợ gần hiện quanh mức 1730 - 1750 điểm. Nếu lực cầu hấp thụ tốt, có thể kỳ vọng hướng tới mục tiêu bứt phá ngưỡng 1800 điểm. Trường hợp lực cầu suy yếu, chỉ số có thể quay lại kiểm định thêm ngưỡng 1700 điểm.

▪ **Đối với HNX-Index**, lực cung trở lại chi phối khiến chỉ số lùi về mức đỏ. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc tích lũy thêm trong khu vực 253 - 258. Kháng cự mạnh hiện quanh ngưỡng 262 trong khi hỗ trợ là ngưỡng 250.

▪ **Chiến lược chung:** Chiều mua có thể bắt đầu theo dõi trở lại. Xem xét thêm tín hiệu ổn định trên vùng 1700 điểm của VN-Index các phiên tới cũng như sự đồng thuận từ mặt bằng chung cổ phiếu. Thị trường khả năng còn rung lắc củng cố thêm đà, nên hạn chế hưng phấn mua đuổi trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ DBC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng							
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,772.2	▲	1.21%	5.5%	7.1%	26,398.1	▼	-14.2%	4.4%	31.2%	923.6	▼	-10.6%	8.7%	26.3%			
HNX-Index	255.5	▼	-0.68%	0.2%	-2.9%	1,457.5	▼	-0.9%	-9.6%	-16.5%	67.4	▼	-6.1%	-17.9%	-7.7%			
UPCOM-Index	120.0	▬	0.09%	1.4%	1.1%	1,949.5	▲	205.6%	81.0%	176.4%	86.4	▲	118.8%	100.2%	93.8%			
VN30	2,012.9	▲	1.4%	5.4%	5.9%	14,764.8	▼	-26.3%	7.2%	36.0%	365.9	▼	-26.6%	6.8%	24.8%			
VNMID	2,244.6	▼	-0.6%	1.8%	-1.6%	9,165.9	▲	7.5%	9.6%	22.2%	369.5	▲	3.0%	6.0%	23.9%			
VNSML	1,492.9	▼	-0.11%	0.1%	-2.1%	1,428.2	▲	15.1%	11.1%	9.8%	88.6	▲	3.7%	-3.8%	-19.1%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	626.4	▼	-0.6%	5.17%	1.6%	6,988.7	▼	-0.01%	28.3%	27.7%	292.7	▲	2.3%	27.9%	30.4%			
Bất động sản	826.5	▲	5.4%	10.5%	20.3%	4,620.1	▲	7.8%	13.9%	5.8%	124.1	▼	-5.9%	-4.4%	0.8%			
Dịch vụ tài chính	313.8	▼	-1.5%	2.5%	-2.0%	3,541.7	▼	-1.3%	2.1%	18.1%	136.4	▼	-2.7%	4.3%	18.0%			
Công nghiệp	273.8	▬	0.5%	9.0%	4.4%	2,105.8	▲	68.1%	46.9%	53.5%	48.1	▲	66.5%	67.2%	44.0%			
Tài nguyên cơ bản	529.3	▼	-0.6%	2.8%	-1.7%	997.6	▼	-42.4%	-6.3%	8.1%	42.3	▼	-41.9%	-11.5%	0.2%			
Xây dựng - Vật Liệu	187.3	▼	-1.0%	3.3%	-0.9%	1,098.8	▲	37.3%	31.1%	20.0%	55.0	▲	42.0%	41.4%	32.0%			
Thực phẩm	559.3	▼	-0.3%	1.9%	2.5%	1,735.4	▼	-78.1%	-36.6%	-6.9%	51.2	▼	-70.8%	-23.1%	5.2%			
Bán Lẻ	1,577.1	▲	2.1%	8.1%	4.7%	1,420.5	▲	57.1%	64.1%	84.7%	17.6	▲	53.6%	47.3%	64.0%			
Công nghệ	503.5	▬	0.3%	0.2%	-5.6%	787.5	▲	11.6%	29.6%	26.3%	10.4	▼	-3.7%	9.1%	11.5%			
Hóa chất	155.0	▼	-1.53%	-0.6%	-6.7%	1,184.4	▲	98.0%	0.3%	105.7%	23.5	▲	70.8%	11.4%	39.5%			
Tiện ích	670.5	▬	0.0%	3.2%	1.8%	368.3	▼	-12.4%	15.6%	27.3%	19.3	▼	-25.7%	0.9%	27.2%			
Dầu khí	76.1	▼	-0.79%	11.2%	5.0%	529.3	▲	1.1%	-7.6%	18.2%	22.2	▼	-8.6%	-17.0%	14.9%			
Dược phẩm	432.0	▬	0.3%	2.2%	3.3%	79.8	▼	-5.4%	26.9%	-5.5%	3.6	▼	-22.6%	14.9%	-23.6%			
Bảo hiểm	91.9	▼	-0.1%	5.5%	2.6%	44.9	▼	-65.0%	-2.5%	17.3%	1.2	▼	-72.4%	-15.5%	1.0%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,772.2 ▲	1.2%	39.9%	17.0x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,271 ▬	0.1%	-9.2%	13.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,585 ▼	-0.7%	21.3%	21.7x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,301 ▬	0.3%	-2.3%	16.2x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,042 ▬	0.01%	-7.5%	10.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,920 ▬	0.1%	17.0%	18.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,774 ▼	-0.11%	28.5%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,413 ▬	0.02%	26.4%	22.2x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,878 ▬	0.6%	16.9%	27.5x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,363 ▬	0.5%	13.7%	25.0x	5.7x
FTSE 100	Anh	9,870 ▬	0.04%	20.8%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,743 ▼	-0.01%	17.3%	17.4x	2.5x
DX/USD		97.9 ▼	-0.72%	-9.8%		
USD/VND		26,332 ▼	-0.01%	3.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

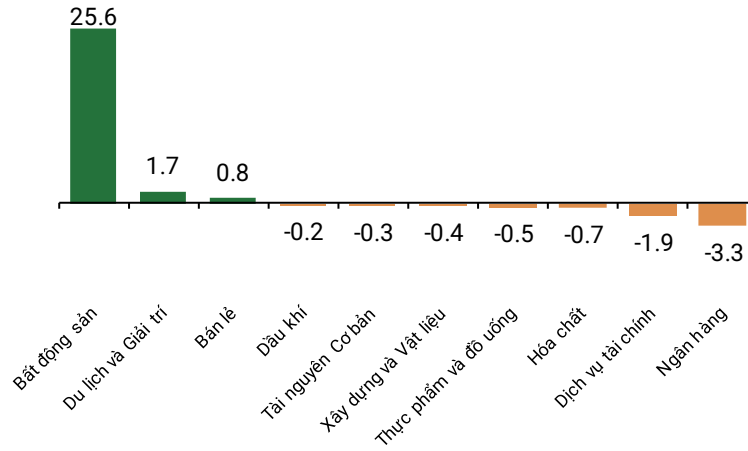
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.2%	-0.6%	-16.7%	-14.4%
Dầu WTI	▬	0.2%	0.1%	-19.0%	-16.1%
Khí gas	▬	0.3%	-12.8%	9.9%	9.2%
Than cốc (*)	▼	-3.4%	-9.4%	-10.6%	-13.3%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	-0.5%	-5.7%	-6.0%
PVC (*)	▬	0.0%	-1.9%	-12.2%	-12.1%
Phân Urea (*)	▬	0.1%	-4.3%	6.6%	7.5%
Cao su thiên nhiên	▲	1.5%	3.7%	-10.0%	-4.9%
Bông Cotton	▬	0.14%	4.1%	-6.7%	-8.0%
Đường	▲	1.4%	1.7%	-22.0%	-23.1%
World Container Index	▲	11.5%	17.8%	-42.6%	-42.6%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-0.1%	-4.8%	49.6%	49.3%
Vàng	▲	3.4%	10.3%	70.9%	71.7%
Bạc	▲	3.8%	39.3%	141.2%	135.1%

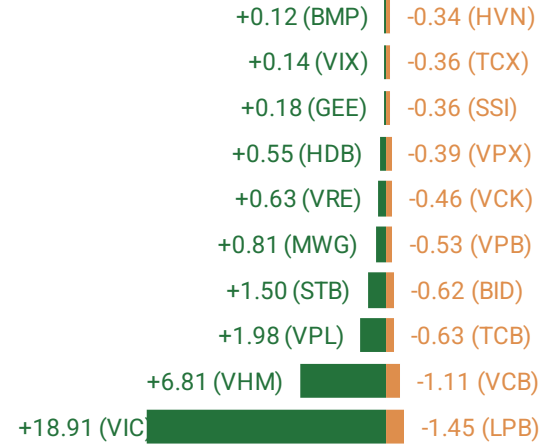
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

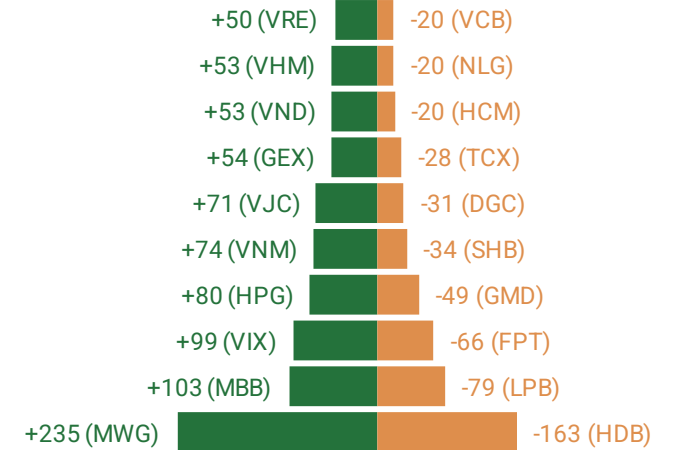
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



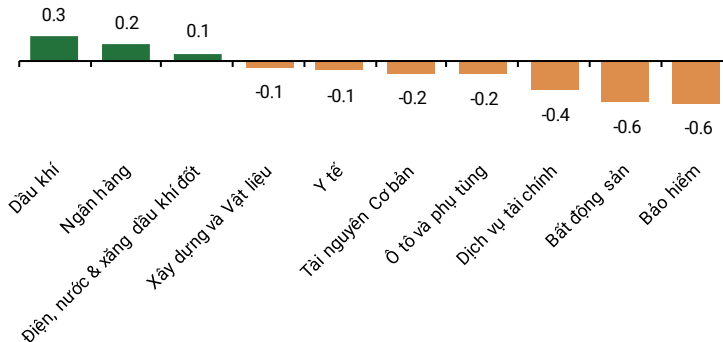
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



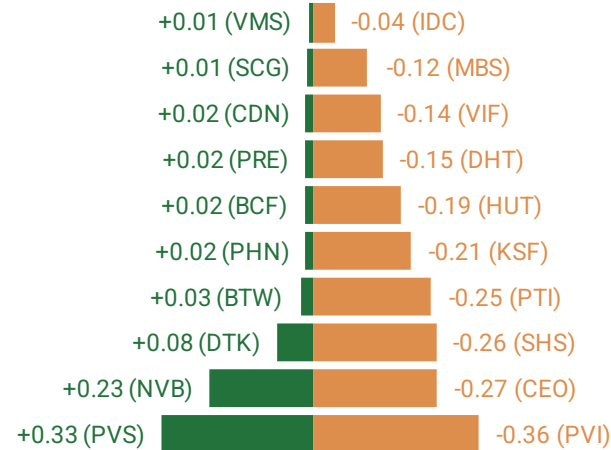
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



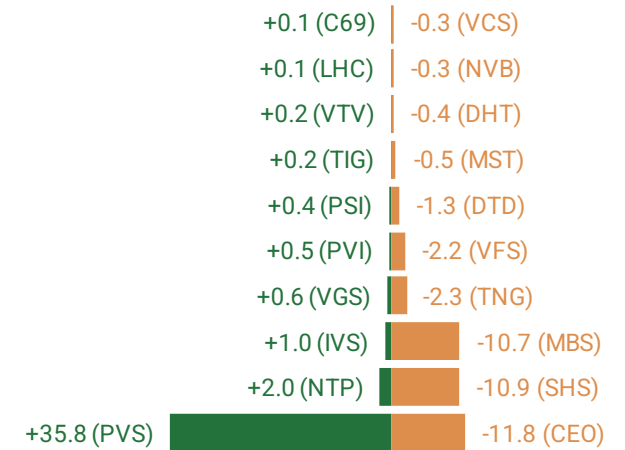
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



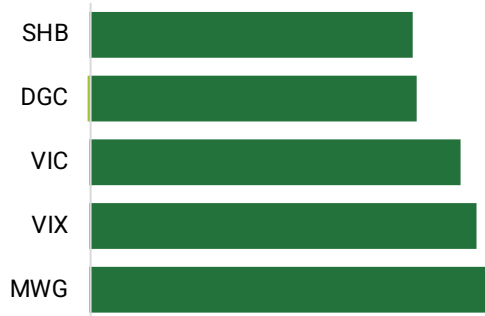
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	MWG	VIX	VIC	DGC	SHB
%DoD	2.9%	1.7%	7.0%	-4.0%	0.0%
Giá trị	1,204	1,165	1,120	985	973

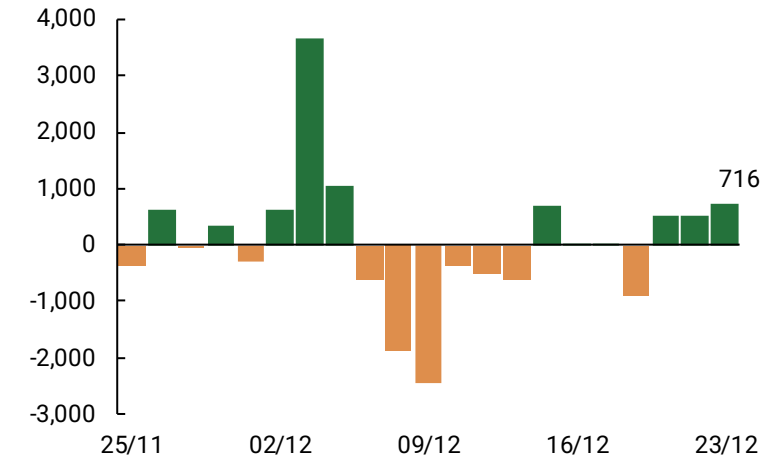
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	GEX	MSB	VPI	VHM	STB
%DoD	-0.2%	-2.3%	0.7%	7.0%	6.9%
Giá trị	774	382	354	217	214

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



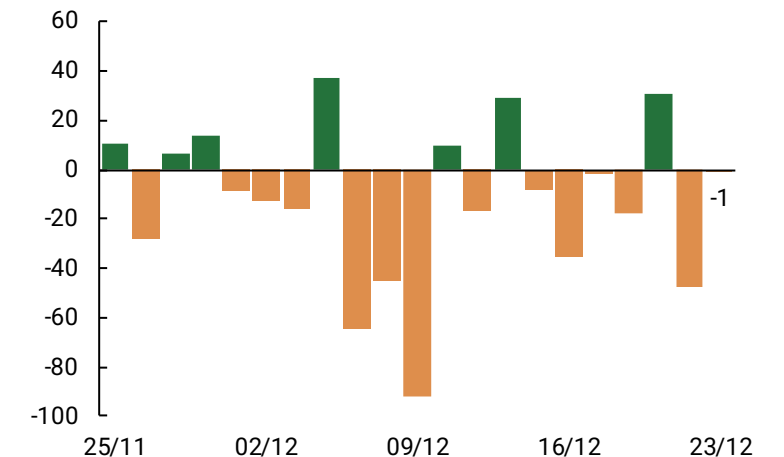
	PVS	SHS	CEO	MBS	IDC
%DoD	3.3%	-2.3%	-3.4%	-1.1%	-0.5%
Giá trị	404	301	262	81	59

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	C69	TVC	HUT	CEO	SCI
%DoD	-1.5%	-1.1%	-1.8%	-3.4%	-1.1%
Giá trị	6	5	3	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Gap tăng với nến Shooting Star, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 - 1770.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Có thể hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Áp lực bán gia tăng tại khu vực cản 1760 – 1770. Thêm vào đó, độ rộng thị trường suy yếu khi đà tăng chỉ tập trung phần lớn ở nhóm trụ cột. Nếu sự phân hóa vẫn tiếp diễn, đà tăng có thể thiếu bền vững và chỉ số khả năng hạ nhiệt để củng cố lại đà. Hồ gần hiện quanh ngưỡng 1750 điểm. Trường hợp lực cầu hấp thụ tốt trong các phiên điều chỉnh, có thể kỳ vọng mục tiêu bứt phá mốc 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Gap tăng với nến Shooting Star, vol trên bình quân 20 phiên.
 - ✓ Hỗ trợ: 1930 - 1950.
 - ✓ Kháng cự: 200.
 - ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
 - ✓ Xu hướng: Có thể hạ nhiệt củng cố lại đà.
- ➔ Chỉ số tiếp tục bật tăng thoát khỏi ngưỡng cản 2000 điểm nhưng thanh khoản đã giảm bớt, cùng với giá kết phiên có bóng nến phía trên, hàm ý cung bán trở lại chi phối. Vận động có thể hạ nhiệt kiểm định lại khoảng “gap tăng” quanh vùng 1980 – 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	DBC	HOLD	Current price	28		P/E (x)	6.7	
			Action price	(24/12)	27.6	1.4%	P/B (x)	1.4
Exchange	HOSE		Cut loss (new)		26.5		EPS	4149.6
			Target price		30.5		ROE	21.7%
Sector	Farming & Fishing		Target price (old)				Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá duy trì trên MA20 ngày có xu hướng thiết lập nền giá mới.
 - Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt chưa quá tiêu cực.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Rủi ro thị trường: VN-Index đi lên với mức phân hóa cao khi dựa vào một vài cổ phiếu trụ, rủi ro sẽ cao hơn nếu nhóm trụ điều chỉnh.
- ➔ Xu hướng được củng cố nên nâng ngưỡng cắt lỗ lên theo vận động của giá.
- ➔ Khuyến nghị Nắm giữ, nâng cắt lên ngưỡng 26.5.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	DBC	Nắm giữ	24/12/2025	28.00	27.6	1.4%	30.5	10.5%	26.5	-4.0%	Nâng cắt lỗ 26.5

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	56.70	56.6	0.2%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 61.5
2	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	64.20	64.2	0.0%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	
3	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	28.00	27.60	1.4%	30.5	10.5%	26.5	-4.0%	
4	PNJ	Mua	18/12/2025	-	93.40	92.4	1.1%	100.0	8.2%	87.0	-5.8%	
5	POW	Mua	19/12/2025	-	12.80	12.30	4.1%	14.0	13.8%	11.4	-7.3%	
6	TV2	Mua	22/12/2025	-	36.0	36.3	-1.0%	40.0	10.2%	34.0	-6.3%	
7	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.88	17.20	-1.9%	20.0	16.3%	15.8	-8.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa 2015, tăng 18 điểm (+0.9%). Giá tiếp tục trạng thái phẫn khởi và tăng nhanh lên trên vùng 2000 điểm.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI, MACD có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi ở khung đồ thị 15 phút các chỉ báo này đang trên đà giảm, với MACD cắt xuống đường tín hiệu và RSI cũng rời khỏi vùng quá mua, hàm ý lực cung có thể trở lại chi phối. Vị thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 2008. Vị thế Long nên chờ giá kiểm định tốt khu vực 1995 – 2000 điểm, hoặc khi giá xác nhận vận động trên ngưỡng 2020.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1909.9, tăng 15.2 điểm (+0.8%). Độ lệch basis 2.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 45 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1920.

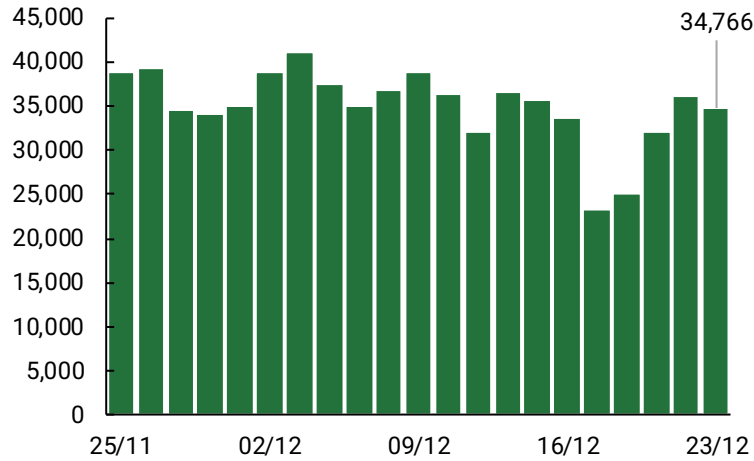
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2.020	2.035	2.010	15 : 10
Long	> 1.996	2.008	1.988	12 : 08
Short	< 2.008	1.998	2.015	10 : 07

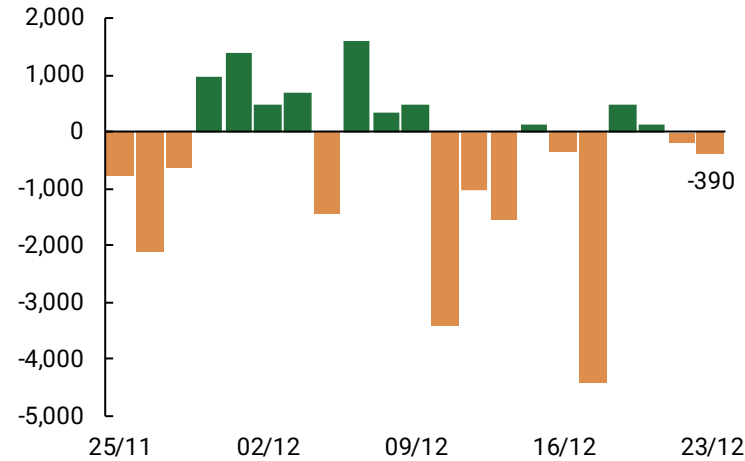
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G6000	2,000.0	15.0	76	257	2,022.7	-22.7	18/06/2026	177
4111G3000	2,002.2	12.2	132	494	2,017.6	-15.4	19/03/2026	86
4111G2000	2,013.7	35.7	423	482	2,015.7	-2.0	13/02/2026	52
4111G1000	2,015.0	18.0	246,327	34,766	2,014.1	0.9	15/01/2026	23
4112G1000	1,909.9	15.2	45	37	1,908.5	1.4	15/01/2026	23

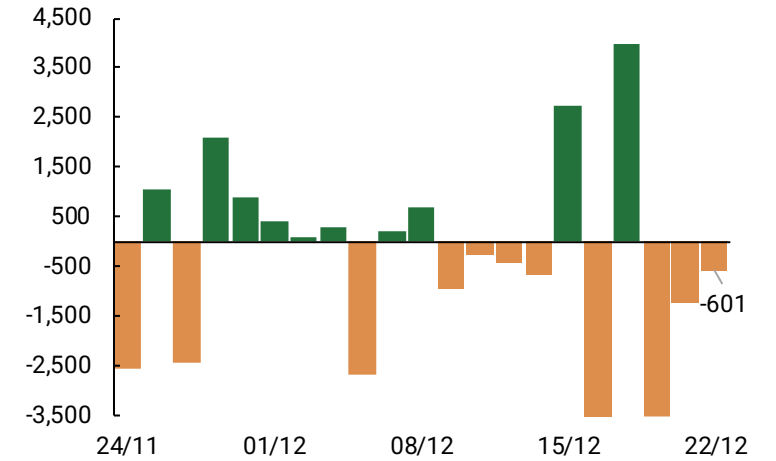
Khối lượng mở (Open interest)



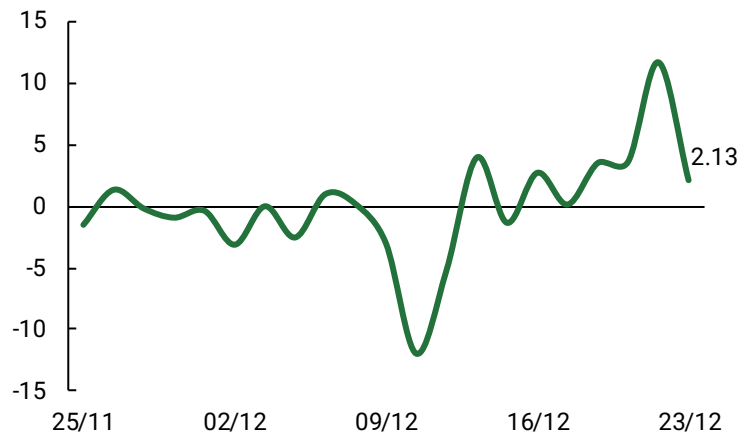
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



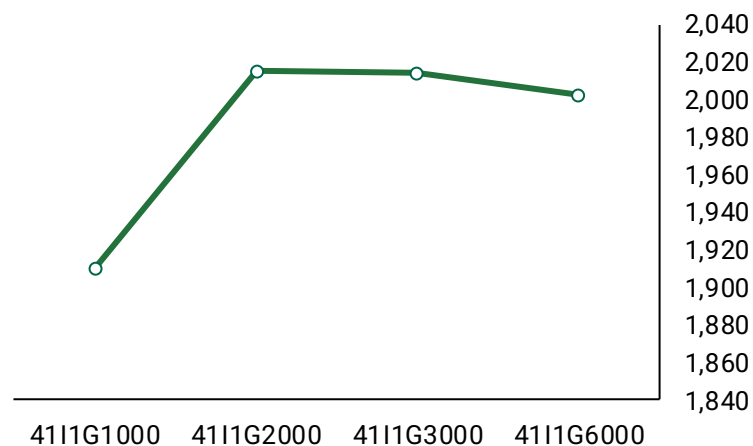
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



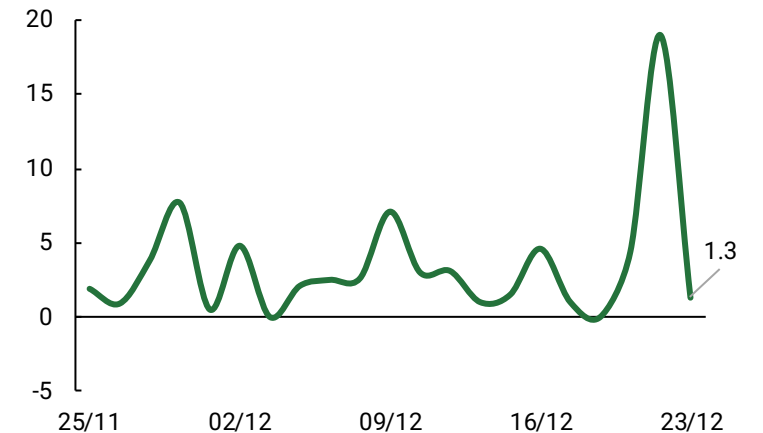
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	76,200	65,400	-14.2%	Bán
BCM	61,200	74,500	21.7%	Mua
CTD	81,500	91,400	12.1%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,850	27,200	19.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	48,300	68,000	40.8%	Mua
DDV	25,837	35,500	37.4%	Mua
DGC	71,600	102,300	42.9%	Mua
DGW	39,800	48,500	21.9%	Mua
DPG	41,250	53,100	28.7%	Mua
DPR	37,250	46,500	24.8%	Mua
DRI	12,452	17,200	38.1%	Mua
EVF	11,400	14,400	26.3%	Mua
FRT	147,500	135,800	-7.9%	Giảm tỷ trọng
GMD	59,500	72,700	22.2%	Mua
HAH	60,500	67,600	11.7%	Tăng tỷ trọng
HDG	28,450	33,800	18.8%	Tăng tỷ trọng
HHV	13,700	12,600	-8.0%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,750	30,200	12.9%	Tăng tỷ trọng
IMP	50,200	55,000	9.6%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,100	22,700	-9.6%	Giảm tỷ trọng
MSH	33,200	43,100	29.8%	Mua
MWG	87,500	92,500	5.7%	Nắm giữ
NLG	31,900	39,900	25.1%	Mua
NT2	24,200	27,400	13.2%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,700	72,800	28.4%	Mua
PNJ	93,400	96,800	3.6%	Nắm giữ
PVT	18,450	18,900	2.4%	Nắm giữ
SAB	49,500	59,900	21.0%	Mua
TLG	49,800	53,400	7.2%	Nắm giữ
TCB	34,800	35,650	2.4%	Nắm giữ
TCM	26,900	38,400	42.8%	Mua
TRC	76,000	95,800	26.1%	Mua
VCG	23,600	26,200	11.0%	Tăng tỷ trọng
VHC	54,300	60,000	10.5%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,600	66,650	6.5%	Nắm giữ
VSC	20,800	17,900	-13.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/12	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
05/12	Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
06/12	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
09/12	Úc – RBA công bố lãi suất
10/12	Canada – BOC công bố lãi suất
11/12	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
12/12	Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
17/12	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/12	Việt Nam - Đảo hạn phái sinh Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Anh – BoE công bố lãi suất
19/12	Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
23/12	Mỹ - Ước tính GDP q/q (Q3)
31/12	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Trung Quốc áp thuế chống trợ cấp lên tới 42,7% với sản phẩm sữa của EU: Trung Quốc quyết định áp thuế chống trợ cấp tạm thời từ 21,9% đến 42,7% đối với các sản phẩm sữa nhập khẩu từ EU, có hiệu lực từ 23/12/2025, sau kết luận điều tra sơ bộ. Mức thuế cao nhất áp lên FrieslandCampina, trong khi nhiều doanh nghiệp sữa khác của Pháp, Italy và Đức cũng chịu thuế do bị cho là nhận trợ cấp gây thiệt hại cho ngành sữa nội địa Trung Quốc. Động thái này làm gia tăng căng thẳng thương mại Trung Quốc – EU, nối tiếp các biện pháp trả đũa liên quan đến xe điện, thịt lợn và rượu brandy.

Xuất nhập khẩu lập kỷ lục mới: Việt Nam cán mốc gần 884 tỷ USD sau 11,5 tháng: Số liệu sơ bộ của Cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đến hết ngày 15/12 đạt gần 884 tỷ USD – mức cao nhất từ trước đến nay, tăng hơn 18% so với cùng kỳ năm trước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VNM – 4.6% vốn Vinamilk đổi chủ với giá hơn 6 ngàn tỷ: Trong phiên 22/12/2025, cổ phiếu VNM ghi nhận thanh khoản đột biến gần 98.8 triệu cổ phiếu, chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận giữa hai cổ đông ngoại lớn. F&N Dairy Investments đăng ký mua khoảng 96.1 triệu cổ phiếu VNM, trong khi Platinum Victory đăng ký bán ra đúng lượng tương ứng, làm thay đổi đáng kể cơ cấu sở hữu. Giá trị thương vụ ước tính hơn 6.000 tỷ đồng, với mức giá khoảng 62.554 đồng/cổ phiếu, thấp hơn nhẹ so với giá đóng cửa.

DXG - Huy động 1.739 tỷ đồng từ đợt chào bán riêng lẻ: Đất Xanh Group đã huy động 1.739 tỷ đồng từ đợt chào bán riêng lẻ 93,5 triệu cổ phiếu và dùng toàn bộ số tiền để bổ sung vốn cho chuỗi công ty con triển khai dự án DatXanhHomes Parkview. Nhóm quỹ Dragon Capital và VinaCapital (VHIL) là các nhà đầu tư lớn tham gia, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của khối ngoại tại DXG. Đến 19/12/2025, DXG đã giải ngân xong theo đúng kế hoạch đã công bố.

VSC - Viconship muốn mua thêm 14 triệu cổ phiếu HAH, tăng sở hữu trên 21%: Viconship (VSC) đăng ký mua thêm 14 triệu cổ phiếu HAH trong giai đoạn 25/12/2025–23/01/2026, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu từ 12,95% lên 21,24% nếu giao dịch thành công. Với thị giá hiện tại khoảng 59.800 đồng/cp, giá trị thương vụ ước tính hơn 800 tỷ đồng. Song song, HAH dự kiến phát hành 2,5 triệu cổ phiếu ESOP giá 10.000 đồng/cp và nâng kế hoạch kinh doanh 2025 với LNST 1.140 tỷ đồng, tăng 31,8% so với kế hoạch đầu năm.

MWG - Doanh thu Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh tăng trưởng 32% trong tháng 11: Trong tháng 11/2025, Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt doanh thu gần 9,5 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, dù nhu cầu iPhone hạ nhiệt so với tháng 10. Lũy kế 11 tháng, hai chuỗi ghi nhận 96,5 nghìn tỷ đồng doanh thu, tăng 18%, với tăng trưởng cửa hàng hiện hữu khoảng 20%.

PET - Báo lãi kỷ lục 322 tỷ đồng sau khi PVN thoái vốn: Petrosetco (PET) ghi nhận lợi nhuận sau thuế kỷ lục 322 tỷ đồng năm 2025, tăng 46% so với 2024, nhờ đóng góp lớn từ mảng phân phối (chiếm 82% doanh thu) và kết quả tích cực trong quý IV. Kết quả này đến ngay sau khi PVN hoàn tất thoái toàn bộ vốn, đưa PET trở thành doanh nghiệp hoàn toàn tự chủ, không còn vốn Nhà nước. Bước sang 2026, Petrosetco đặt mục tiêu doanh thu tiếp tục tăng lên 22.567 tỷ đồng, nhưng lợi nhuận thận trọng giảm nhẹ, phản ánh áp lực cạnh tranh và nhu cầu tái cấu trúc sau thoái vốn.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415